TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18** /2018/ DS-ST
Ngày 10 /07/2018
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thìn, ông Trần Thành Đô

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/07/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2017/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87A/2018/QĐST-DS ngày 01/06/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐ- DS ngày 18/06/2018 giữa:

+ **Nguyên đơn**: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1966.
Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

+ Bị đơn: 1. Anh Phạm Văn S sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt).

2. Chị Đồng Thị M, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.
Hiện ở tại: Thôn N, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Dương Văn Q trình bày: Vợ chồng ông có cửa hàng buôn bán, kinh doanh thức ăn chăn nuôi (không có đăng ký kinh doanh) trong nhiều năm nay.Từ ngày 01/4/2013 (âm lịch) đến ngày 25/9/2013 (âm lịch) vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Đồng Thị M có nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông. Khi mua thức ăn chăn nuôi thì anh S, chị M trực tiếp đến mua. Quá trình mua thức ăn chăn nuôi thì ông có sổ theo dõi và mỗi lần mua thì anh S, chị M là người trực tiếp ghi vào trong sổ theo dõi mua bán của vợ chồng ông. Khi mua thức ăn chăn nuôi thì anh S, chị M không

trả tiền ngay mà sau đó một thời gian mới thanh toán trả rồi lại mua thức ăn chăn nuôi tiếp. Tính đến ngày 25/9/2013 (âm lịch) vợ chồng anh S, chị M còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông là 32.536.000đ. Sau đó không mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông nữa. Kể từ đó đến nay vợ chồng anh S, chị M đã thanh toán trả cho vợ chồng ông được số tiền 11.000.000đ gồm: ngày 20/12/2013 (âm lịch) trả 3.000.000đ; ngày 27/12/2013 (âm lịch) trả 8.000.000đ. Số tiền còn nợ là 21.536.000đ thì anh Sáng có hẹn vợ chồng ông là đến tháng 5/2014 sẽ thanh toán trả hết số tiền còn nợ cho vợ chồng ông nếu không trả được thì phải trả tiền lãi theo mức lãi xuất là 1,5%/tháng, anh S có ký vào thỏa thuận tại sổ theo dõi của ông. Nhưng đến hẹn vợ chồng anh S, chị M không thanh toán trả tiền còn nợ khi mua thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông. Ông đã nhiều lần đến nhà anh S đòi tiền nhưng anh S, chị M không trả. Nay ông yêu cầu anh S, chị M phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ khi mua thức ăn chăn nuôi là 21.536.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Việc buôn bán, kinh doanh thức ăn chăn nuôi là chung của vợ chồng ông. Các con ông không có liên quan gì. Vì vậy đề nghị Tòa án không đưa các con ông vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn anh Phạm Văn S đã được Tòa án tống đạt các giấy tờ, triệu tập đến làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Q nhưng anh S không đến làm việc và không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Bị đơn chị Đồng Thị M tại bản tự khai trình bày: Năm 2013 chị và anh S trong thời kỳ hôn nhân có mua cám của gia đình ông Q để chăn nuôi, quá trình mua có lúc chị đi mua cám, có lúc anh Q đi mua cám, mỗi lần mua thì anh, chị sẽ tự ghi vào sổ theo dõi của ông Q về số lượng, chủng loại, giá... chị có được Tòa án cho xem sổ theo dõi của ông Q thì một số viết trong sổ là chữ của chị, một số là của anh S viết, ngày 27/12/2013 anh Slà người trực tiếp đi thanh toán tiền cám với ông Q, số tiền còn nợ 21.53600đồng ghi trong sổ của ông Q là chữ của anh S. Quá trình chăn nuôi anh S là người bán và cầm hết tiền nên chỉ tưởng anh S đã thanh toán xong với ông Q vì vậy khi ly hôn chị và anh S không đề cập đến số tiền nợ ông Q, tháng 12/2016 chị và anh S đã ly hôn nhưng không đề nghị giải quyết về tài sản. Hiện nay vợ chồng chị đã ly hôn, toàn bộ tài sản anh S quản lý nên anh S phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q số tiền 21.536.000đồng. Do điều kiện công việc chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có bản tự khai gửi cho Tòa án trình bày: Vợ chồng bà có cửa hàng buôn bán, kinh doanh thức ăn chăn nuôi (không có đăng ký kinh doanh) trong nhiều năm nay. Từ ngày 01/4/2013 (âm lịch) đến ngày 25/9/2013 (âm lịch) vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Đồng Thị M có nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng bà. Khi mua thức ăn chăn nuôi thì anh Sáng, chị Minh trực tiếp đến mua. Quá trình mua thức ăn chăn nuôi thì gia đình bà có sổ theo dõi và mỗi lần mua thì anh S, chị M là người trực tiếp ghi vào trong sổ theo dõi mua bán của vợ chồng bà. Hiện nay anh Sg, chị M còn nợ ông, bà số tiền còn nợ là 21.536.000đ. Nay bà yêu cầu anh S, chị M phải có trách nhiệm thanh toán

trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ khi mua thức ăn chăn nuôi là 21.536.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã Xuân Hương thì được cung cấp thông tin: Anh S và chị M đã ly hôn từ tháng 12/2016, hiện nay chị M đã chuyển đi nơi khác sinh sống, anh S ở nhà tại Xuân Hương, hiện nay anh S đi làm thợ xây, sáng đi tối mới về, anh S hiện nay đang nuôi 02 con nhỏ ngoài ra không sống cùng với ai khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh S, chị Mkhông có mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 18/06/2018 Tòa án đã hoãn phiên tòa lý do các đương sự đều vắng mặt lần 1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 10/07/2018.

Tại phiên tòa hôm nay ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Đồng Thị M và bà Nguyễn Thị T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Phạm Văn S vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt chị M, anh S, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Q: Buộc anh Phạm Văn S phải trả cho ông Dương Văn Q số tiền 10.768.000đồng, chị Đồng Thị M phải trả cho ông Dương Văn Q số tiền 10.768.000đồng.

Về án phí: Anh Dương Văn Q và chị Đồng Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Đồng Thị M, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn S vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do Hội đồng xét

xử căn cứ vào khoảng 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh S, bà T.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa ông Dương Văn Q với anh Phạm Văn S, chị Đồng Thị M là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Đối với số tiền nợ 21.536.000 đồng, ngày 27/12/2013 (âm lịch) anh S có viết vào sổ theo dõi mua bán cám của ông Q nội dung " ngày 27/12/2013 trả 8.000.000đồng, còn nợ 21.536.000đồng, hẹn trong tháng 05/2014 sẽ trả, nếu không trả được thì tính lãi 1,5: Sáng", sau đó đến tháng 05/2014 vợ chồng anh S, chị M không trả tiền cho ông Q, ông Q có nhiều lần đến đòi tiền nhưng anh S, chị M không trả. Đến ngày 01/12/2017 ông Q nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu anh S, chị M phải thanh toán trả ông số tiền còn nợ khi mua cám là 21.536.000đồng và không yêu cầu tiền lãi. Trong thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án quan hệ tranh chấp giữa ông Q với vợ chồng anh S, chị M là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì đã hết thời hiệu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng. Tại đơn khởi kiện ông Q yêu cầu vợ chồng anh S chị Mphải trả cho ông số tiền nợ gốc là 21.536.000đồng thì Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp kiện đòi tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Đối với số tiền 21.536.000đồng ông Q khởi kiện vợ chồng anh S, chị M, theo như quyển sổ theo dõi mua cám giữa ông Q với vợ chồng anh S, chị M thì từ năm 2013 vợ chồng chị M, anh S có mua cám của ông Q, tại quyển sổ theo dõi có nội dung " ngày 27/12/2013 trả 8.000.000đồng, còn nợ 21.536.000đồng, hẹn trong tháng 05/2014 sẽ trả, nếu không trả được thì tính lãi 1,5: Sáng",quá trình giải quyết vụ án chị M đã được cho xem nội dung và thừa nhận có việc vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân có mua cám của ông Q, nội dung trong đó có chỗ chị viết, có chỗ anh S viết, phần nhận nợ 21.536.000đồng thì đây là chữ của anh S viết. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 163 và Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu này cần được chấp nhận.

Việc mua cám của chị M, anh S vào thời gian từ năm 2013 đến năm 2014, cả 02 vợ chồng cùng đi mua, phục vụ lợi ích chung của gia đình, tại thời điểm đó chị M và anh S vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng, ngày15/12/2016 Tòa án nhân dân huyện

Lạng Giang có quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa chị M và anh S, quá trình giải quyết ly hôn chị M và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, chị M có ý kiến sau khi ly hôn anh S là người quản lý toàn bộ tài sản chung của vợ chồng nên anh S phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ với ông Q nhưng chị M không cung cấp được tài liệu nào thể hiện vợ chồng thống nhất anh S quản lý tài sản và có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng, theo quy định 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì hiện nay mặc dù chị M và anh S đã ly hôn nhưng việc mua nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc anh S phải có nghĩa vụ thanh toán ½ số tiền nợ cám cho ông Q là 10.768.000đồng và chị M có nghĩa vụ thanh toán ½ số tiền nợ cám cho ông Q là10.768.000đồng.

Về lãi xuất ông Q không yêu cầu chị M, anh S phải thanh toán tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị M, anh Phạm Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Dương Văn Q không phải chịu án phí, hoàn trả ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1].Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 163; Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Xử: Buộc anh Phạm Văn S phải trả cho ông Dương Văn Q số tiền 10.768.000đồng (Mười triệu bẩy trăm sáu tám ngàn đồng).

Buộc chị Đồng Thị M phải trả cho ông Dương Văn Q số tiền 10.768.000đồng (Mười triệu bẩy trăm sáu tám ngàn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Văn S phải chịu 538.000đồng án phí DSST,chị Đồng Thị M phải chịu 538.000đồng án phí DSST

Hoàn trả ông Dương Văn Q số tiền 538.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/004236 ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[4].Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-VKSND H Lạng Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự H. Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Lê Thu Hà

Nơi nhận:
-VKSND H Lạng Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự H. Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Lê Thu Hà

7